

Số: /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên Chương trình Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm
Ngoại ngữ (Khóa IV)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2286/NQ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc Ban hành Quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 1272/NGCBQLGD-PTNGCB ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục và đào tạo về việc phê duyệt Đề án tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ cấp tiểu học và THCS/THPT cho Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 1422/TB-ĐHNN ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc triển khai Chương trình Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ (Khóa IV);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học viên nhập học là học viên Chương trình Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm Ngoại ngữ khóa IV năm 2025, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học viên có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ quy định trong các quy chế hiện hành kể từ ngày nhập học.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản trị đại học, Trưởng Phòng Đào tạo và Người học, Trưởng Phòng Quản trị nguồn lực, Trưởng các Khoa đào tạo chính quy, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: QTĐH, ĐT&NH, L03.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Lê Kim Anh

Phụ lục

(đính kèm QĐ số 2469 /QĐ-ĐHNN do Phó Hiệu trưởng ký)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ HỌC VIÊN
1.	Hoàng Thúy An	13.5.2001	Hải Phòng	825041001
2.	Hồ Minh Anh	27.10.2002	Hà Nội	825041002
3.	Vì Ngọc Anh	10.6.2000	Hà Nội	825041003
4.	Trần Thị Trung Anh	19.7.1996	Nam Định	825041004
5.	Hoàng Vân Anh	30.11.1999	Hà Nội	825041005
6.	Nguyễn Đức Anh	15.9.1999	Hà Nam	825041006
7.	Nguyễn Thị Tú Anh	21.12.2001	Thanh Hoá	825041007
8.	Trần Phương Anh	31.10.2000	Hà Nội	825041008
9.	Nguyễn Tiến Dũng	30.3.2002	Ninh Bình	825041009
10.	Nguyễn Anh Dũng	25.1.2001	Vĩnh Phúc	825041010
11.	Nguyễn Hoàng Dương	1.11.2001	Bắc Ninh	825041011
12.	Lâm Đức Duy	4.4.1997	Nam Định	825041012
13.	Lê Thị Duyên	14.2.2002	Hà Nội	825041013
14.	Bùi Thùy Giang	25.12.2000	Nghệ An	825041014
15.	Nguyễn Hoàng Giang	29.11.2002	Hà Nam	825041015
16.	Ngô Thị Hằng	2.4.2002	Bắc Ninh	825041016
17.	Vũ Thị Thu Hiền	18.8.1998	Hà Nam	825041017
18.	Dương Quỳnh Hoa	21.4.2000	Hà Nội	825041018
19.	Lê Thị Minh Hòa	3.9.2000	Thanh Hóa	825041019
20.	Kiều Thị Thu Hương	12.8.2002	Hải Phòng	825041020
21.	Nguyễn Thị Lan Hương	24.10.2002	Thái Nguyên	825041021
22.	Trần Quang Huy	15.12.1997	Hải Phòng	825041022
23.	Tạ Thị Hồng Lê	9.3.1998	Bắc Giang	825041023
24.	Nguyễn Thuỳ Linh	9.3.1998	Hà Nội	825041024
25.	Nguyễn Phương Linh	31.3.2002	Quảng Ninh	825041025
26.	Nguyễn Thuỳ Linh	16.12.2002	Hà Tây	825041026
27.	Đặng Hải Linh	8.10.2002	Bắc Ninh	825041027
28.	Nguyễn Thị Trang Linh	9.10.2001	Hà Nội	825041028
29.	Hoàng Ngọc Linh	16.2.1998	Hà Nội	825041029
30.	Trần Thị Loan	9.1.2001	Thanh Hoá	825041030

31.	Nguyễn Khánh Ly	3.6.2002	Hà Nội	825041031
32.	Lưu Thị Tuyết Mai	23.9.1999	Bắc Ninh	825041032
33.	Nguyễn Thị Hiền Minh	17.4.2003	Vĩnh Phúc	825041033
34.	Đỗ Đức Minh	19.4.1999	Hà Nội	825041034
35.	Nguyễn Ngọc Yến My	7.4.2001	Hoà Bình	825041035
36.	Nguyễn Đức Nam	9.3.1997	Hà Nội	825041036
37.	Vũ Thành Nam	2.12.1997	Hà Nội	825041037
38.	Ngô Lê Yến Nga	2.2.1997	Hà Nội	825041038
39.	Đỗ Minh Ngọc	5.1.2001	Hà Nội	825041039
40.	Phạm Võ Bảo Nguyên	25.12.2003	Đà Nẵng	825041040
41.	Nguyễn Hoàng Như	8.8.1996	Hà Nội	825041041
42.	Phan Thị Oanh	18.9.1989	Hà Nội	825041042
43.	Lê Thị Ái Phương	3.4.2001	Đồng Nai	825041043
44.	Nguyễn Thị Phương	10.10.2002	Thái Bình	825041044
45.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	26.8.2002	Hà Nội	825041045
46.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	26.8.2002	Hà Nội	825041046
47.	Tô Thị Ngọc Quỳnh	11.11.1992	Thái Bình	825041047
48.	Hoàng Thị Thắm	13.3.1998	Lạng Sơn	825041048
49.	Bùi Thị Thạch Thảo	10.11.2002	Hải Phòng	825041049
50.	Lê Minh Thảo	16.9.2003	Hà Nội	825041050
51.	Phạm Thị Thảo	15.8.2002	Bắc Giang	825041051
52.	Dương Hoài Thu	18.2.1997	Hà Nội	825041052
53.	Nguyễn Kiều Thu	26.9.1993	Hà Nội	825041053
54.	Trần Thị Thu	23.1.1993	Hà Nội	825041054
55.	Nguyễn Thiên Thu	5.9.2002	Hà Giang	825041055
56.	Phan Thị Anh Thu	10.6.2001	Hà Nội	825041056
57.	Doãn Thị Thúy	11.2.1990	Hà Nội	825041057
58.	Phạm Hải Mai Thủy	28.10.2002	Hải Phòng	825041058
59.	Nguyễn Thị Hương Trà	8.8.1997	Hà Tĩnh	825041059
60.	Nguyễn Ngọc Trâm	11.6.2003	Hải Phòng	825041060
61.	Vũ Linh Trang	21.12.2002	Hải Dương	825041061
62.	Vũ Thu Trang	18.9.1999	Hà Nội	825041062
63.	Nguyễn Thị Huyền Trang	20.5.2002	Hà Tây	825041063

64.	Doãn Hà Trang	29.3.2002	Thanh Hóa	825041064
65.	Hoàng Thị Quỳnh Trang	8.6.2002	Hải Phòng	825041065
66.	Lưu Thảo Trang	5.8.2001	Phú Thọ	825041066
67.	Nguyễn Thư Trang	17.12.2002	Thái Bình	825041067
68.	Nguyễn Thu Trang	8.4.1984	Hà Nội	825041068
69.	Triệu Đình Tú	8.12.1995	Hà Nội	825041069
70.	Hoàng Quốc Tuấn	2.9.2002	Cao Bằng	825041070
71.	Hoàng Thị Ánh Tuyết	17.6.2001	Phú Thọ	825041071
72.	Lưu Đình Út	20.8.1981	Hưng Yên	825041072
73.	Đặng Mỹ Uyên	29.10.2000	Hà Nội	825041073
74.	Nguyễn Thị Thảo Vi	12.3.2001	Bắc Ninh	825041074
75.	Đặng Thị Xuyên	24.6.2000	Hà Nội	825041075
76.	Nguyễn Thị Yến	10.11.2000	Vĩnh Phúc	825041076

Danh sách có 76 học viên./.